

Bản án số: 02/2018/HSST.

Ngày: 11/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Chủ tịch Hội cựu Chiến binh thị trấn Kbang.

2. Ông Phan Đình Toàn;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Bình Khiêm huyện Kbang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tố Uyên là thư ký TAND huyện Kbang.

- **Đại diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hữu H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/01/2018, tại Hội trường xét xử, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HS-ST ngày 08/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Kiều Ngọc T – tên gọi khác: Không, sinh ngày 06/9/1990 tại: K, Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Kiều Quốc L và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2009.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Văn T1 – tên gọi khác: Không, sinh năm 1989 tại: P Xuyên, Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã Đ, huyện P, TP. Hà Nội; Chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án (Ngày 18/7/2008

bị TAND huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 39 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và tội cướp tài sản theo bản án số 13/2008/HSST; ngày 24/2/2012 bị TAND huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 04/2012/HSST và ngày 29/3/2012 bị TAND huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 51 tháng tù về tội cướp giật tài sản theo bản án số 05/2012/HSST, đã chấp hành xong hình phạt của cả 03 bản án, chưa được xóa án tích). Con ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị T.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Ma Quang A - tên gọi khác: M, sinh ngày 30/01/1997 tại Đ, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Ma Văn T và bà Ma Thị S.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2017 đến ngày 25/7/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Đàm Như H - tên gọi khác: Tí, sinh năm 1992 tại: A, Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 02 tiền án (Ngày 04/8/2015 bị TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo bản án số 25/2015/HSST và ngày 23/11/2015 bị TAND huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt 21 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản và tội bắt, giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt với bản án số 25/2015/HSST, bị cáo bị xử phạt 27 tháng tù, theo bản án số 39/2015/HSST, đã chấp hành xong cả 02 bản án, chưa được xóa án tích). Con ông Đàm Như H và bà Trần Thị Kim D; vợ là Thái Ngọc Q, sinh năm 1994; có 02 con sinh năm 2011 và 2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Trần T T2 – tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/11/1996 tại: An Nhơn, Bình Định; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Trần T Q và bà Nguyễn Thị A.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Đoàn T N – tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/10/1999, tại: K, Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đoàn Bá P và bà Bùi Thị Thu H.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo Ma Quang A và Đoàn T N:** Bà Cao Thị Mi S
- Trợ giúp viên pháp lý T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

***Người bị hại:**

1. Anh Phan Anh T, sinh năm 1990 (có mặt);
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.
3. Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1995 (vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.
4. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: Làng Buôn Lưới, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Thanh T, phường N, TP. K, tỉnh Kon Tum.
2. Bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1962 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà 126 đường H, phường T, TP. K, tỉnh Kon Tum.
3. Anh Lê Tùng C, sinh năm 1973 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà 44 đường T, phường D, TP. K, tỉnh Kon Tum.
4. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.
5. Anh Kiều Ngọc C, sinh năm 1986 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như Sau:

Vào cuối tháng 3/2017, Kiều Ngọc T có quen biết với Vũ Văn T1 (trú tại TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum) thông qua người quen của T là Nguyễn Duy T (trú tại thôn 4, xã S). Khi T đến nhà T1 chơi, T đã rủ và bàn bạc với T1 cùng trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài, T1 đồng ý. T và T1 đã ra chợ mua 01 tuốcnovít mang về mài mỏng dùng làm phương tiện để phá khóa xe mô tô.

Ngày 26/3/2017 T và T1 đi về xã S, huyện K. Tối cùng ngày T mượn xe máy của T dùng làm phương tiện đi tìm xe mô tô để trộm cắp, khi đi T mang theo tuốcnovít mà T, T1 đã chuẩn bị trước đó. Khi đi đến quán Internet Sơn Hà (thôn 2, xã S) phát hiện tại đây có chiếc xe mô tô Jupiter, Biển số 75H1-077.69 của A

Nguyễn Văn T đứng ở ngoài, không có người trông coi. T nói T1 đứng bên ngoài cánh giới, T đi bộ vào trong dùng tuốcnovít bẻ gãy ổ khóa xe mô tô rồi cho xe xỏ dúc ra đường, đề nổ máy, điều khiển xe ra thị trấn K. T1 điều khiển xe mô tô mượn của T đi theo T. Ra đến thị trấn K, T gọi điện T1 cho Đàm Như H để nhờ gửi xe trộm cắp được tại nhà H. H không có nhà nên đã chỉ chỗ cất chìa khóa nhà cho T. T lấy chìa khóa mở cửa cất giấu xe mô tô Jupiter trộm cắp được vào nhà H. Su đó, T và T1 quay về xã S. Khi đi đến quán Internet Sơn Hà, T và T1 tiếp tục dùng tuốcnovít bẻ gãy ổ khóa xe mô tô, loại xe Sirius, màu xA bạc, biển số 81H1-140.33 của A Phan A T đang chơi game trong quán rồi cho xe xỏ dúc ra đường rồi đề nổ máy điều khiển xe đi vào xã Sơn Lang, T1 điều khiển xe của T đi theo Su. T đã giấu xe vào một đường mòn vắng người rồi cùng T1 đi về xã S trả xe mô tô cho A T.

Sáng ngày 27/3/2017 T nhờ T chở T và T1 vào xã Sơn Lang. Khi gần đến nơi cất giấu xe máy Sirius đã trộm cắp trước đó, T nói T về trước còn T và T1 đi bộ vào lấy xe đi về nhà T1 ở huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Ngày 30/3/2017 T và T1 đi xe máy Sirius quay về nhà H lấy chiếc xe Jupiter đem lên huyện Đ, Kon Tum và gửi ở tiệm sửa xe máy của anh Hoàng Văn H tại Thôn 10, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Khoảng 23 giờ ngày 03/4/2017 T và T1 tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp. T cầm theo tuốcnovít và điều khiển xe mô tô Sirius đã trộm cắp được tại xã S chở T1 đi tìm xe để trộm cắp. Khi đi tới quán Internet LXV-No1 của anh Phạm Văn Q (thuộc thôn 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum) thì phát hiện một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Exciter, màu xA, biển số 82B1-321.33 của A Hoàng Xuân T (trú tại TDP 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum) đang dựng trước quán Internet không có ai trông coi. T nói T1 đứng ngoài đường để cảnh giới, còn T cầm theo tuốcnovít đi tới chiếc xe mô tô trên, dùng tuốcnovít phá ổ khóa xe nhưng chỉ phá được khóa cổ, không phá được khóa điện. T dắt xe ra chỗ T1 đứng và tiếp tục phá ổ khóa điện nhưng không được. T và T1 cho xe xỏ dúc rồi giấu vào lô cà phê bên đường. T nói T1 đi tìm kéo để cắt dây điện. T1 đi về nhà lấy một cái kéo ra đưa cho T. T dùng kéo cắt và nối dây điện để khởi động xe. T kẹp chiếc tuốcnovít và kéo ở gác ba ga xe Exciter rồi điều khiển xe về nhà ở tại xã S, huyện K. Trên đường về nhà, T tháo biển số xe Exciter để ở gác ba ga xe cùng với kéo và tuốcnovít, trên đường đi bị rơi tại địa điểm nào không rõ. T1 điều khiển xe Sirius về nhà T1.

Sáng ngày 04/4/2017, T liên lạc với Nguyễn Huỳnh A (trú tại xã S, huyện K) hỏi mượn 01 biển số xe mô tô để lắp tạm thời, T nói dối là mới mua lại một chiếc xe Exciter chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ nên chưa có biển số. Nguyễn Huỳnh A đã cho T mượn biển số xe 81H1-065.96 mà A đang sử dụng, T lắp biển số này vào xe Exciter trộm cắp được và sử dụng làm phương tiện đi lại.

Su khi trộm cắp được các xe mô tô, T liên hệ và đặt làm giả biển số, giấy đăng ký cho các xe mô tô trên thông qua một đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua mạng Internet gồm:

Làm giả biển số 82H1-029.79, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả theo biển số trên, có số khung, số máy trùng khớp với số khung, số máy của xe JUPTTER T và T1 trộm cắp tại xã S, tên chủ xe: Bùi A, địa chỉ: Thôn 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Làm giả biển số 82H1-031.79, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả theo biển số trên, có số khung, số máy trùng khớp với số khung, số máy xe SIRIUS, tên chủ xe: Bùi A Kiệt, địa chỉ: Thôn 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Làm giả biển số 81H1-065.96, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả giống biển số xe mượn của Nguyễn Huỳnh A, có số khung, số máy trùng khớp với số khung, số máy xe EXCITER T và T1 trộm cắp, tên chủ xe: Phan Tấn K, địa chỉ: Phước Bình 1, C, thị xã A, tỉnh Gia lai.

Ngày 05/4/2017 T nhận được điện T1 của người nhận làm giả giấy tờ, biển số xe và hẹn giao nhận tiền, giấy tờ, biển số tại huyện Đ. T đã rủ Ma Quang A đi lên Kon Tum chơi, A đồng ý. T chở A bằng xe Exciter đến nhậu tại quán nhậu cá thuộc TDP A, thị trấn Đ cùng với Vũ Văn T1, tại đây T nói rõ cho A biết T đã trộm cắp được 02 xe mô tô (xe Jupiter và xe Sirius) tại xã S vào ngày 26/3/2017, Su đó T và A ngủ lại nhà nghỉ T Tú tại TDP B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Sáng ngày 06/4/2017 theo như đã hẹn T đứng đợi và nhận biển số giả và giấy đăng ký xe giả tại khu vực tượng đài thị trấn Đ do một người đàn ông không rõ tên tuổi, lai lịch từ thành phố Hồ Chí Minh gửi theo đường xe khách về huyện Đ, Kon Tum cho T. Sau khi nhận được T mang ra một bãi đất trống rồi gọi điện T1 cho A, nói A đi xe máy Exciter đến chỗ T. Khi A đến nơi, T để biển số lên yên xe, đưa giấy đăng ký xe cho A xem và nói đã lấy được biển số và giấy tờ rồi, bây giờ lắp vào xe Sirius rồi mang xe đi bán. A đồng ý, do không có dụng cụ nên T nói đang gửi chiếc xe Jupiter trộm được trên tiệm sửa xe, bây giờ đi lên đó lắp biển số cho hai xe luôn, A đồng ý. T để xe Exciter tại bãi đất trống rồi cùng đi xe Sirius với A đến tiệm sửa xe máy của anh Hoàng Văn H mà T đã gửi xe Jupiter trước đó. Đến nơi, T dắt xe Jupiter từ trong tiệm ra, T và A gắn biển số giả 82H1- 031.79 vào xe SiRius, gắn biển số giả 82H1-029.79 vào xe Jupiter. Lúc này anh H hỏi tại sao lại lắp biển số mới, T nói xe mới sang tên đổi chủ, bây giờ mới có biển số. Lắp xong T hỏi anh H có mua xe Jupiter không? anh H hỏi xe của ai? T chỉ vào A và nói dối: “Xe của thằng Kiệt” đồng thời đưa giấy đăng ký xe giả cho anh H xem. Xem xong anh H hỏi A Giấy chứng minh nhân dân, A trả lời đã để quên ở nhà nên anh H

không mua xe. T đưa giấy đăng ký giả xe Jupiter cho A và bảo A đi kiểm chỗ cầm hoặc bán xe. A điều khiển xe Jupiter đến một tiệm mua bán xe máy cũ tại thị trấn Đ (không rõ địa chỉ), A đặt vấn đề bán xe nhưng chủ tiệm không mua vì A không có Chứng minh nhân dân. A gọi điện T1 báo cho T biết rồi quay về nhà nghỉ gặp T. Lúc này T gọi điện T1 cho Vũ Huy H là người quen của T đặt vấn đề cầm (cầm đồ) xe. H hẹn T đến một quán nước, T và A đi xe Sirius đến điểm hẹn. Tại đây, T đã dùng giấy đăng ký giả, biển số giả để cầm xe Sirius cho H lấy 10.000.000 đồng. Sau đó T, A đi xe Taxi quay lại bãi đất trống lấy xe Exciter, đi về nhà nghỉ lấy xe Jupiter, đồ đạc để đi về huyện K. Trên đường về, T điều khiển xe Exciter, A điều khiển xe Jupiter. T và A đã vào tiệm sửa xe của A Nguyễn Hoàng Tấn P (thôn T, phường N, TP. K, tỉnh Kon Tum). Tại đây A đã thỏa thuận bán cho anh P chiếc xe Jupiter với giá 8.000.000 đồng kèm theo giấy đăng ký giả, chứng minh nhân dân mang tên T. P viết giấy mua bán xe, T ký vào giấy bán xe do P viết rồi nhận 8.000.000 đồng của P. Su đó T, A đi về huyện K bằng xe Exciter, trên đường đi T đã chia cho A 1.000.000 đồng.

Tối ngày 11/4/2017 T và A tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô. A điều khiển xe Exciter chở T đi đến làng B, xã S, T và A phát hiện chiếc xe mô tô loại Exciter màu xA, biển số 81H1-139.71 của A Đinh Văn K (trú tại làng B, xã S) đang dựng ở trước nhà. T bảo A đứng ngoài cảnh giới, T đi vào trong dùng chân đạp vào tay lái bên trái của xe làm gãy chốt khóa cổ rồi dắt xe ra bãi cà phê gần đó. T dùng kéo cắt rồi nối dây điện dưới ổ khóa, đề nổ máy và điều khiển xe ra nhà Đàm Như H để cất giấu, Trên đường đi T đã bẻ gãy và vứt biển số xe xuống Sông Ba. H đang ở nhà thấy T đi một chiếc xe mô tô loại Exciter màu xanh, không có biển số, nắp khóa từ trên ổ khóa vẫn đóng, phía dưới ổ khóa có hai dây điện thò ra ngoài nên H biết rõ chiếc xe mô tô trên là do T trộm cắp mà có. T nói gửi chiếc xe máy trên tại nhà H, mặc dù biết rõ chiếc xe do T trộm cắp mà có nhưng vì quen biết, nể nang T nên H đã đồng ý cho T gửi chiếc xe máy trên tại nhà.

Ngày 12/4/2017 T đi đến nhà H lấy số khung, số máy của xe Exciter vừa trộm cắp được. Su đó T cũng liên lạc với đối tượng ở T phố Hồ Chí Minh thuê làm giả biển số 81H1-082.89, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả theo biển số trên, có số khung, số máy trùng khớp với số khung, số máy xe Exciter vừa trộm cắp được, tên chủ xe: Phan Tấn Kiệt, địa chỉ: Tổ dân phố 20, thị trấn K, huyện K và 01 Giấy Chứng minh nhân dân giả tên Phan Tấn Kiệt, địa chỉ: Tổ 20, thị trấn K, huyện K có hình của T.

Khoảng 05 giờ ngày 13/4/2017, T gọi điện nói với A điều khiển chiếc xe Exciter trộm ở địa bàn huyện Đ lên tỉnh Kon Tum mục đích để cầm cố, còn T mượn xe Sirius, biển số 81H1-140.84 của anh Nguyễn Đình S (trú tại thôn 2, S) đi

Su. Khi A điều khiển xe lên đến Măng Đen đứng chờ T. Su đó, T và A cùng đi đến T phố K. Tại đây T tìm gặp bạn gái tên Trần Thị Mai ThA (trú tại thôn 2, xã Kroong, T phố Kon Tum) ở gần khu vực sau bến xe Kon Tum. T nhờ ThA tìm chỗ cầm đồ để T cầm chiếc xe Exciter đang đi. ThA hỏi T: “xe của ai”. T nói: “xe của T” (trong thời gian quen nhau ThA được T giới thiệu tên là Kiệt) và đưa giấy tờ xe Exciter mang tên Phan Tấn Kiệt cho ThA xem và ThA đồng ý. T điều khiển xe Exciter chở ThA, còn A điều khiển xe Sirius đi Su theo sự chỉ dẫn của ThA, đến tiệm cầm đồ B ở phường D, T phố K, do anh Lê Tùng C làm chủ. T và ThA trực tiếp giao dịch cầm đồ. Quá trình cầm cố, T giới thiệu tên là Kiệt và đưa giấy đăng ký xe giả cho anh C. Anh C kiểm tra xe thấy biển số xe, số máy, số khung trùng khớp với Giấy đăng ký xe. Anh C hỏi Chứng minh nhân dân (CMND) của T, vì T không có CMND nên ThA đưa CMND của ThA cho anh C và đứng tên làm thủ tục cầm đồ. Su khi cầm cố xe mô tô được 23.000.000 đồng, T nhận tiền và dẫn ThA, A đi ăn uống, T cho A và ThA mỗi người 2.000.000 đồng. Su đó T nói A đi xe mô tô Sirius đi về huyện K, Gia Lai trước, T ở lại K chơi đến ngày 14/4/2017 cùng ThA về K.

Chiều ngày 15/4/2017 T rủ ThA, Trần ThA T2, Đoàn Trung N cùng đi hát Karaoke tại quán 79 tại TDP 21, thị trấn K và nói cho T2 và N biết T đã trộm cắp được 01 chiếc xe Exciter loại 150 phân khối tại xã S, hiện đang cất giấu tại nhà Đàm Như H. T nhờ T2 và N mang chiếc xe trên lên T phố Pleiku cất giấu giúp T. T2 và N đồng ý. T chở T2, N đến nhà H. T2 vào nhà gặp H nói cho lấy chiếc xe A T gửi. H chỉ chiếc xe Exciter trong nhà H để T2, N dắt ra ngoài. T2, N thấy chiếc xe không có biển số, nắp khóa từ trên ổ khóa vẫn đóng, phía dưới ổ khóa có hai dây điện thò ra ngoài nên biết rõ đó là xe do T trộm cắp mà có. N nối hai đầu dây điện thò ra dưới ổ khóa lại, đề nổ máy rồi cùng T2 mang xe lên cất giấu ở kho kính tại địa chỉ: 55 N, phường I, TP. P, là nhà kho kính của anh Lê Đình T- nơi mà đối tượng tên Hải (chưa rõ nhân thân lai lịch) làm thuê và ăn nghỉ tại kho.

Chiều ngày 18/4/2017 T thuê xe ô tô tự lái chở ThA và T2 từ huyện K đến Pleiku mục đích lấy xe đi tiêu thụ. Sáng ngày 19/4/2017 T liên lạc để lấy biển số giả, giấy đăng ký xe giả và CMND giả do đối tượng từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi theo đường xe khách về TP. P. Su đó T và T2 đi đến kho kính tại địa chỉ: 55 N, phường I, P để lấy chiếc xe máy Exciter mà T2, N đã mang đi cất giấu trước đó, T gắn biển **số giả 81H1-082.89** vào xe. Lúc này Đàm Như H cũng đi từ huyện K lên Pleiku gặp T, ThA, T2. T rủ cả nhóm mang xe mô tô Exciter lên T phố Kon Tum cầm cố xe lấy tiền tiêu xài, cả nhóm đồng ý. Khi đến T phố Kon Tum, T nói ThA dẫn đường đến nơi cầm đồ. ThA đã dẫn đến tiệm cầm đồ Kim H tại số 126 H, TP. K, tại đây T đã sử dụng giấy tờ giả tên Phan Tấn Kiệt để cầm cố xe mô tô trên với

giá 20.000.000 đồng, rồi cùng nhau đi ăn nhậu, Su đó T đã chia cho T2 1.000.000 đồng.

* Tại bản kết luận giám định số: 10/KL-HĐĐG ngày 05/4/2017 và số: 13/KL-HĐĐG ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Kbang xác định:

- Xe mô tô Jupiter, BKS 75H1-077.69, số máy: 5B94-119579, số khung: B940BY119567 trị giá: **14.625.000 đồng**.

- Xe mô tô Sirius, BKS 81H1-140.33, số máy: E3X9B06283, số khung 3220GY011432 trị giá: **18.450.000 đồng**.

- Xe mô tô Exciter, BKS 81H1-13971, số máy: G3D4E398192, số khung: RLCUG0610GY379575 trị giá: **45.600.000 đồng**.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-ĐGTS ngày 08/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Kom Tum kết luận: Giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô xe mô tô BKS 82B1-321.33 nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xA bạc, số khung 0610FY073323, số máy G3D4E082867 trị giá: **37.600.000 đồng**.

* Kết luận giám định số: 166/KLGD ngày 22/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai xác định:

- 02 (hai) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY” mà T đã sử dụng để bán xe JUPITER và cầm xe EXCITER là giả;

- Biển số xe mô tô 81H1-065.96 (thu giữ trong túi xách của T là biển số T mượn của Nguyễn Huỳnh A) và 81H1-082.89 (T gắn vào xe EXCITER để cầm đồ tại tiệm Kim Hoa) so với 04 biển số mẫu do Đội CSGT Công an huyện Kbang cung cấp là không phải do cùng một khuôn đúc dập in ra.

* Kết luận giám định số: 272/KLGD ngày 10/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai xác định:

- “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY” số 134903 (tên chủ xe: Bùi A Kiệt, địa chỉ: Thôn 7, thị trấn Đăk Tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn: XA trắng đen, biển số 82H1-031.79) là giả.

- Biển số xe mô tô: 82H1-029.79 và 82H1-031.79 so với 02 biển số mô tô 82H1-074.66 và 82H1-097.79 (mẫu so sánh do Phòng CSGT Công an tỉnh Kon Tum cung cấp) là không phải do cùng một khuôn đúc dập in ra.

* Kết luận giám định số: 21/GĐTP-2017 ngày 08/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 134903 mang tên chủ xe Phan Tấn Kiệt cấp ngày 16/4/2015, là giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy giả được in bằng phương pháp in phun màu điện tử, chữ

ký của Thượng tá Dương anh Tuấn trên giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 134903 cần giám định với chữ ký mẫu so sánh của Thượng tá Dương Anh Tuấn trên giấy chứng nhận xe ô tô (*mẫu so sánh*) không phải là chữ ký của cùng một người; hình dấu cần giám định trên giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 134903 không phải do con dấu có hình dấu mẫu so sánh trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (*mẫu so sánh*) đóng ra.

* Kết luận giám định số: 22/GĐ-2017 ngày 07/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Biển số 81H1-065.96 gửi giám định (biển số T mượn của Nguyễn Huỳnh A) là biển số thật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo A và N; các bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản và kết luận giám định nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 28/CTr-VKS ngày 08/11/2017, VKSND huyện Kbang đã truy tố Kiều Ngọc T về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS và Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS; Truy tố Vũ Văn T1 về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS; Truy tố Ma Quang A về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS và Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 BLHS; Truy tố Đàm Như H về Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS; Truy tố Trần Thanh T2 về Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có và Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS và truy tố Đoàn T N về Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Kiều Ngọc T, Vũ Văn T1, Ma Quang A, Đàm Như H, Trần Thanh T2 và Đoàn Trung N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện K vẫn giữ N quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố:

- Bị cáo Kiều Ngọc T phạm tội trộm cắp tài sản và Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Bị cáo Vũ Văn T1 phạm tội trộm cắp tài sản.

- Bị cáo Ma Quang A phạm tội trộm cắp tài sản và Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Bị cáo Đàm Như H phạm tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Bị cáo Trần Thanh T2 phạm tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có và Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Bị cáo Đoàn Trung N phạm tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đồng thời, đề nghị HĐXX áp dụng:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 2 Điều 267; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, Điều 50 và Điều 53 BLHS; áp dụng thêm Điều 47 BLHS cho tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức đề nghị xử phạt bị cáo Kiều Ngọc T từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; xử phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, và Điều 53 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 323 (áp dụng điều luật theo Bộ luật hình sự 2015 có lợi hơn cho bị cáo); Điều 33, Điều 50 và Điều 53 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Ma Quang A từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; xử phạt từ 18 tháng đến 20 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 và Điều 53 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Như H từ 08 tháng đến 12 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Áp dụng khoản 1, Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 và Điều 53 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh T2 từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Áp dụng khoản 1, Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 53, Điều 69 và Điều 74 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Trung N từ 6 tháng đến 9 tháng tù về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 04 (bốn) biển kiểm soát xe mô tô giả: 82H1-029.79, 82H1-031.79, 81H1-065.96, 81H1-082.89 và 01 (một) chìa khóa có chữ Yamaha và số 4727, đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 (ba) điện T1 di động (01 điện T1 di động nhãn hiệu Sm Sung, vỏ màu đen; số IMEL 1: 355079081172368/00; số IMEL 2: 355080081172366; 01 điện T1 di động trên mặt có chữ VERTU, màu vàng, số IMEL: 353800818837367 và 01 điện T1 di động màu xA - bạc, mặt trước có chữ “DBEIF” đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu bán sung ngân sách.

Về trách nhiệm dân sự:

Trách nhiệm bồi thường dân sự đã xử lý xong nên không đề cập đến. Đối với Vũ Huy H là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô Sirius của T với giá 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra anh H không yêu cầu T phải bồi thường lại cho H trong vụ án này mà để cho H và T tự thỏa thuận, giải quyết sau. Vì vậy, không đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo Kiều Ngọc T, Vũ Văn T1, Đàm Như H, Trần Thanh T2 và Đoàn T N phải chịu án phí HSST, theo qui định của pháp luật. Miễn án phí HSST đối với bị cáo Ma Quang A.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Quang A và Đoàn T N bà Cao Thị Mi S nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tội danh và điều luật mà VKS đã truy tố đối với bị cáo A và N và nêu lên những tình tiết để HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt:

Đối với bị cáo Ma Quang A: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc diện hộ nghèo. Khi nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật bị cáo đã ra CQĐT đầu thú. Tại phiên tòa người bị hại đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; cho bị cáo được hưởng mức án tù 12 tháng đến 18 tháng tù đối với tội trộm cắp tài sản và 18 tháng đến 20 tháng đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 30 đến 36 tháng tù là phù hợp.

Đối với bị cáo Đoàn Trung N: Khi phạm tội là người chưa T niên; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là

lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa người bị hại đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng các T2 tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69 và Điều 73 BLHS áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo Ma Quang A thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn đề nghị được miễn tiền án phí HSST nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để miễn án phí HSST cho bị cáo A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang không chấp nhận với đề nghị áp dụng tình tiết người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo Ma Quang A vì chiếc xe mà bị cáo ma Quang A trộm cắp không phải là của họ.

Các bị cáo cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm quay về với gia đình, xã hội và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Ma Quang A và Đoàn T N; các bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Kiều Ngọc T, Vũ Văn T1, Ma Quang A, Đàm Như H, Trần Thanh T2 và Đoàn T N phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 26/3/2017 Kiều Ngọc T và Vũ Văn T1 đã lợi dụng sơ hở khi không có người trông coi, đã dùng tuốc nơ vít lén lút bẻ gãy ổ khóa xe mô tô BKS 75H1 – 077.69 của A Nguyễn Văn T và đem xe cất, giấu tại nhà bị cáo Đàm Như H. Su đó

bị cáo T và T1 tiếp tục thủ đoạn như trên lén lút trộm cắp xe mô tô BKS 81H1 – 14033 của A Phan A T.

Ngày 03/4/2017 T và T1 tiếp tục rủ nhau bằng thủ đoạn cũ, lén lút trộm cắp 01 xe mô tô BKS 82B1 – 321.33 của anh Hoàng Xuân Th đang dựng trước quán Internet không có người trông coi.

Su khi trộm cắp được các xe mô tô, bị cáo T đã liên hệ và đặt làm giả biển số, giấy đăng ký cho các xe mô tô trên thông qua một đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch ở T phố Hồ Chí Minh thông qua mạng xã hội, cụ thể:

Làm giả biển số 82H1-029.79, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả theo biển số trên cho xe JUPTTER.

Làm giả biển số 82H1-031.79, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả theo biển số trên, cho xe SIRIUS.

Làm giả biển số 81H1-065.96, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả giống biển số xe mượn của Nguyễn Huỳnh A, cho xe EXCITER.

Ngày 05/4/2017 T đã nói cho Ma Quang A biết việc T đã trộm cắp 02 xe mô tô tại xã S. Ngày 06/4/2017 T đã nhận biển số giả và giấy đăng ký xe giả và cùng với A lắp vào các xe Jupiter và Sirius đã trộm cắp mang xe Sirius đi cầm cố cho A Vũ Huy H và bán xe Jupiter cho A Nguyễn Hoàng Tấn P.

Ngày 11/4/2017 T và A thấy xe của A Đinh Văn K dựng trước nhà, không có người trông coi, đã lén lút phá khóa trộm cắp xe Exciter BKS 81H1 -139.71 và đem cất, giấu tại nhà Đàm Như H. Su đó T tiếp tục liên hệ với đối tượng ở T phố Hồ Chí Minh làm giả biển số 81H1-082.89, giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả theo biển số trên cho xe Exciter vừa trộm cắp được.

Ngày 13/4/2017 T và A đã mang xe Exciter mà T và T1 đã trộm cắp của A Hoàng Xuân T đi cầm cố cho A Lê Tùng C.

Ngày 15/4/2017 T nói cho Trần Thanh T2, Đoàn T N biết T đã trộm cắp được xe Exciter của A Đinh Văn K đang cất giấu tại nhà H. T đã nhờ T2 và N mang xe lên T phố Pleiku cất giấu, T2 và N đồng ý và cả ba cùng nhau đến nhà H lấy xe mang đi cất giấu.

Ngày 18/4/2017 T cùng T2 đi T phố Pleiku với mục đích lấy xe đi tiêu thụ. Ngày 19/4/2017 T tiếp tục liên lạc để lấy biển số giả, giấy đăng ký xe giả và CMND do đối tượng ở T phố Hồ Chí Minh gửi theo đường xe khách về T phố P. H đi từ huyện K lên gặp T và T2. Su đó T và T2 đã lấy xe Exciter mà T2, N đã cất giấu gắn biển số giả 81H1 – 082.89 vào xe. T cùng T2 và H đi cầm cố xe lấy tiền tiêu xài.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2017 đến 19/4/2017 bị cáo Kiều Ngọc T đã nhiều lần rủ Vũ Văn T1 và Ma Quang A lén lút, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S, huyện K và xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, gây thiệt hại về tài sản cho các chủ sở hữu với tổng trị giá là: 116.275.000 đồng. Sau khi trộm cắp tài sản T đã liên hệ với đối tượng không rõ họ tên địa chỉ trên mạng xã hội tại T phố Hồ Chí Minh để làm giấy tờ xe giả, biển số giả, CMND giả rồi cùng bị cáo Ma Quang A, Trần Thanh T2 mang đến huyện Đắk Hà và TP. K để tiêu thụ (cầm cố và bán) nhằm lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Về vai trò, tình tiết định khung đối với từng bị cáo như Su:

- Trong vụ án này Kiều Ngọc T là người chủ mưu, cầm đầu và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. T đã trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt 04 xe mô tô (01 xe Jupiter, 01 xe Sirius và 02 xe Exciter) với tổng trị giá tài sản là: 116.275.000 đồng. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng là T2 tiết định khung tăng nặng đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo.

Su khi trộm cắp được 04 xe mô tô T đã hai lần liên hệ qua mạng internet đặt làm giả biển số, giấy đăng ký cho 04 xe mô tô đã trộm cắp được và 01 giấy chứng minh nhân dân giả. Phạm tội nhiều lần là tình tiết định khung tăng nặng đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức.

Su đó T đã sử dụng những biển số, giấy đăng ký, giấy chứng minh nhân dân giả này để tiêu thụ 04 xe mô tô đã trộm cắp. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính và chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất so với các bị cáo khác trong vụ án.

- Bị cáo Vũ Văn T1, là đồng phạm tích cực thực hiện hành vi phạm tội sau bị cáo T. Bị cáo là người đã có nhiều tiền án về các tội Trộm cắp tài sản, Cướp tài sản và Cướp giật tài sản, bản thân mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2016. Su khi được T rủ, bàn bạc cùng nhau trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài, T1 đã đồng ý và cùng T cùng đi trộm cắp 03 xe mô tô (01 xe Jupiter, 01 xe Sirius và 01 xe Exciter) với tổng trị giá 70.675.000 đồng. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng là tình tiết định khung tăng nặng. Do mới chấp hành hình phạt tù xong theo bản án số: 04/2012/HSST ngày 24/02/2012 và bản án số: 05/2012/HSST ngày 29/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là T2 tiết định khung tăng nặng.

- Bị cáo Ma Quang A là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội cùng với các bị cáo trong vụ án. Khi được T nói cho biết rõ việc T đã trộm cắp được ba chiếc xe mô tô tại xã S vào ngày 26/3/2017, A đã đồng ý cùng T đi tiêu thụ ba (03) xe mô tô do T phạm tội mà có (tổng giá trị của 3 xe là: 70.675.000 đồng thuộc trường

hợp “Tài sản, vật phạm pháp có giá trị lớn” là tình tiết định khung tăng nặng theo quy định của BLHS năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xác định tài sản, vật phạm pháp có trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng là tình tiết định khung tăng nặng. Áp dụng Điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có lợi cho bị cáo nên HĐXX không xác định đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ngày 11/4/2017 T rủ A đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. A đồng ý và đã trộm cắp chiếc xe mô tô Exciter BKS 81H1-13971 của A Đinh Văn K trị giá 45.600.000 đồng.

- Bị cáo Đàm Như H cũng là đồng phạm trong vụ án. Bị cáo là người đã có tiền án về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; cưỡng đoạt tài sản; bắt, giữ người trái pháp luật, mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/01/2017, ngày 26/3/2017 đã cho bị cáo T cất giấu xe Jupiter trộm cắp của A Nguyễn Văn T nhưng lần này bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định vì khi bị cáo T gửi xe, bị cáo H không có ở nhà và T không nói cho H biết đó là tài sản do T trộm cắp được. Khi về nhà nhìn thấy xe trong trạng thái bình thường, không có hiện tượng gì vì bị cáo không quan sát kỹ và bị cáo T nói với bị cáo đó là xe của T.

Ngày 11/4/2017 khi T cùng A mang chiếc xe mô tô Exciter do T và A trộm cắp được tại xã S đến nhà gửi. Khi nhìn thấy xe trong T2 trạng không có biển số, nắp khóa từ trên ổ khóa vẫn đóng, phía dưới ổ khóa có hai dây điện thò ra ngoài nên bị cáo nhận thức được chiếc xe mô tô mà T gửi là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cho T và A gửi lại tại nhà mình. Do đó bị cáo phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Bị cáo Trần ThA T2 và Đoàn T N là đồng phạm trong vụ án. Ngày 15/4/2017, khi được T nói cho biết rõ là T đã trộm cắp được 01 chiếc xe Exciter loại 150 phân khối tại xã S, hiện đang cất giấu tại nhà Đàm Như H, T nhờ hai bị cáo mang chiếc xe trên lên TP. P cất giấu, cả hai đã đồng ý và mang đi cất giấu.

Riêng bị cáo T2, ngày 19/4/2017 tiếp tục cùng T mang chiếc xe mô tô trên đến TP.K tiêu thụ để lấy tiền tiêu xài.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Kiều Ngọc T đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS và tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS; hành vi của bị cáo Vũ Văn T1 đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS; hành vi của bị cáo Ma Quang A đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều

138 BLHS và Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Đàm Như H đã phạm vào tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS; hành vi của bị cáo Trần Thanh T2 đã phạm vào tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS và hành vi của bị cáo Đoàn T N đã phạm vào tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo Kiều ngọc T:

Bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 04 lần, chiếm đoạt 04 xe mô tô nên HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo. Đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức bị cáo có nhiều T2 tiết giảm nhẹ nên HĐXX chấp nhận với đề nghị của VKS áp dụng Điều 47 đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Vũ Văn T1:

Bị cáo đã trực tiếp thực hiện trộm cắp 03 lần, chiếm đoạt 03 xe mô tô nên HĐXX áp dụng T2 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo đã ra đầu thú. Tại phiên tòa người bị hại đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Ma Quang A:

Bị cáo đã cùng T đi tiêu thụ ba (03) xe mô tô nên HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật bị cáo đã ra đầu thú; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo. HĐXX không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" đối với bị cáo vì hành vi tiêu thụ 03 chiếc xe mô tô (do bị cáo T và T1 trộm cắp) của bị cáo chưa bị kết án nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong vụ án này cùng với hành vi trộm cắp tài sản nên không được coi là phạm tội lần đầu.

- Đối với bị cáo Đàm Như H:

Ngày 04/8/2015 bị TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và ngày 23/11/2015 bị TAND huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt về tội cưỡng đoạt tài sản và tội bắt, giữ người trái pháp luật. Ngày 05/01/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đến ngày 11/4/2017 bị cáo lại tiếp tục cho bị cáo T cất, giấu tài sản trộm cắp được. Vì vậy, lần phạm tội này là lỗi cố ý nên HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Trần Thanh T2:

Bị cáo không có T2 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

- Đối với Đoàn T N: Khi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 05 tháng 25 ngày nên cần áp dụng các quy định đối với người chưa T niên phạm tội tại Điều 69, 74 BLHS đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người chưa thành niên phạm tội nên HĐXX áp dụng Điều 47 đối với bị cáo để bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đủ sức răn đe đối với bị cáo.

Qua ý kiến luận tội của đại diện VKS đã đề nghị hướng xử lý vụ án. Sau khi xem xét nhân thân của từng bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với từng bị cáo, HĐXX thấy rằng: Hầu hết các bị cáo đều là người đã thành niên (chỉ có bị cáo N khi phạm tội là 17 tuổi 05 tháng 25 ngày), các bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do động cơ tham lam, tư lợi cá nhân, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài ăn chơi, mà các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nói ở trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn; xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác; xâm phạm trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Điều này, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù giam nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung.

Liên quan trong vụ án có Trần Thị Mai ThA là bạn gái Kiều Ngọc T, đã cùng T hai lần đi cầm cố hai chiếc xe mô tô do T trộm cắp ở tiệm cầm đồ B và tiệm Kim H tại TP. K. Tuy nhiên, khi cùng T đi cầm cố hai chiếc xe này ThA đều nhận thức đó là xe hợp pháp của T, không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, cũng chỉ biết tên là Kiệt mà T tự giới thiệu nên cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ThA là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét ThA với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Liên quan trong vụ án còn có Nguyễn Đình S là người quen biết với T, đã cho T mượn xe mô tô của mình, sau đó T đã sử dụng chiếc mô tô này làm phương tiện để tiêu thụ tài sản trộm cắp được trước đó. Tuy nhiên, tại thời điểm cho mượn xe, S không biết T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra

không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét A với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Liên quan trong vụ án còn có Nguyễn Duy T là người quen biết với T và T1, đã cho T mượn xe mô tô của mình; Su đó T, T1 đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên tại thời điểm cho mượn xe T không biết T, T1 sử dụng xe để trộm cắp tài sản. Ngày 27/3/2017 T đã nhờ T chở T, T1 vào xã Sơn Lang, T nói đi mua thuốc cho mẹ của T1 nên T không biết việc T, T1 vào xã Sơn Lang để lấy xe máy đã trộm cắp được trước đó nên cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét anh với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Liên quan trong vụ án còn có Nguyễn Huỳnh A, là người đã cho bị cáo T mượn biển kiểm soát xe 81H1-065.96, khi cho mượn, A không biết nguồn gốc chiếc xe Exciter của T là do trộm cắp mà có mà nghĩ là xe của T mới mua, chưa có biển số, nên cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Huỳnh A là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét anh với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Đối với đối tượng tên Hải là người đã cho T2 gửi xe mô tô tại kho kính nơi Hải làm việc, tuy nhiên khi gửi xe T2 không cho Hải biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hải là đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Hoàng Tấn P, Lê Tùng C, Đỗ Thị Kim Hoa và Vũ Huy H là những người đã mua, nhận cầm cố các xe mô tô mà T đã trộm cắp được. Khi mua, nhận cầm cố các xe mô tô này T đều cung cấp Giấy đăng ký xe giả, biển số giả phù hợp với xe được mua bán, cầm cố làm cho họ không thể phát hiện được. Sau khi biết rõ nguồn gốc các xe mô tô là do T Trộm cắp mà có, P, C, Hoa và H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX xem xét họ với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Tấn P, A Lê Tùng C và chị Đỗ Thị Kim H đều đã nhận đủ số tiền đã đưa cho bị cáo T do nhận cầm cố tài sản trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà anh Vũ Huy H đã đưa cho T do nhận cầm cố chiếc xe mô tô Sirius, anh H không yêu cầu T phải bồi thường lại cho anh

trong vụ án này mà để cho A và bị cáo T tự thỏa thuận, giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu tiêu hủy 04 biển kiểm soát xe mô tô giả: 81H1 – 08289; 81H1 – 06596; 82H1 – 03179; 82H1 – 02979 và 01 (một) chìa khóa có chữ Yamaha và số 4727.

- Cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước điện T1 mà các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội: 01 (một) điện T1 di động hiệu SM SUNG; 01 (một) điện T1 di động trên mặt có chữ VERTU, màu vàng và 01 (một) điện T1 di động màu xA bạc, mặt trước có chữ DBEIF.

Về án phí:

Các bị cáo Kiều Ngọc T, Vũ Văn T1, Đàm Như H, Trần Thanh T2 và Đoàn Trung N phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Ma Quang A thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn đề nghị được miễn tiền án phí HSST. Vì vậy, HĐXX chấp nhận miễn án phí HSST cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Kiều Ngọc T** phạm tội "trộm cắp tài sản" và tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn T1** phạm tội "trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo **Ma Quang A** phạm tội "trộm cắp tài sản" và tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh T2** phạm tội "chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tuyên bố bị cáo **Đàm Như H** và **Đoàn T N** phạm tội "chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

* Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 2 Điều 267; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 ; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 33 và Điều 53 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Kiều Ngọc T **27 (Hai mươi bảy) tháng tù** về tội "trộm cắp tài sản" .

Xử phạt bị cáo Kiều Ngọc T **15 (Mười lăm) tháng tù** về tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS: Buộc bị cáo Kiều Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **42 (Bốn mươi hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26/4/2017).

*Áp dụng điểm c, điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 33 và Điều 53 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 **36 (Ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/9/2017).

*Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; khoản 1 Điều 323 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 33 và Điều 53 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Ma Quang A **15 (Mười lăm) tháng tù** về tội "trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Ma Quang A **18 (Mười tám) tháng tù** về tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS: Buộc bị cáo ma Quang A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội **33 (Ba mươi ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2017 đến ngày 25/7/2017).

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Đàm Như H **07 (Bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 12/7/2017).

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T2 **12 (Mười hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/7/2017).

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Điều 20; Điều 33; Điều 53; Điều 69 và 74 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Đoàn Trung N **04 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 04 biển kiểm soát xe mô tô: 81H1 – 08289; 81H1 – 06596; 82H1 – 03179; 82H1 – 02979 và 01 (một) chìa khóa có chữ Yamaha và số 4727.

Tuyên tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện T1 di động hiệu SM SUNG; 01 (một) điện T1 di động trên mặt có chữ VERTU, màu vàng và 01 (một) điện T1 di động màu xA bạc, mặt trước có chữ DBEIF.

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2017 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí HSST đối với bị cáo Ma Quang A.

Buộc các bị cáo Kiều Ngọc T, Vũ Văn T1, Đàm Như H, Trần Thanh T2 và Đoàn Trung N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Công an huyện.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có QLNVLQ.
- Chi cục THADS huyện.
- (Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

